

Mật Tạng Bộ 1 \_No.853 (Tr.158 \_ Tr.164)

KINH ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ  
LIÊN HOA THAI TẠNG BỒ ĐỀ TRÀNG TIÊU XÍ  
PHỔ THÔNG CHÂN NGÔN TẠNG  
QUẢNG ĐẠI THÀNH TỰU DU GIÀ  
\_QUYÊN HẠ\_

Hán dịch: Chùa Thanh Long\_Sa Môn PHÁP TOÀN tập  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Hành Giả Trì Chân Ngôn  
Tiếp đến viện thứ ba  
Phương Đông, trong cửa đầu (Sơ Môn)  
Thích Ca Sư Tử Đàn  
Là **Đại Nhân Đà La**  
Màu vàng rờng diệu thiện  
Bốn phương cùng chia đều  
Như Ấn Kim Cương trước  
Trên hiện **Ba Đầu Ma** (Padma: hoa sen hồng)  
Ánh vàng vòng khắp cả  
Ấn Kim Cương vây quanh  
Sắc vàng tía tụ thân  
Đủ ba mươi hai tướng  
Khoác mặc áo Cà Sa  
Ngồi trên Đài sen trắng  
Tác Giáo Lệnh lưu bố  
Làm đầy rồi nói Pháp  
Trí Thủ (tay Phải) Cát Tường Ấn [Không (ngón cái) giữ Thủy (ngón vô danh)]  
Vào **Bảo Xứ Tam Muội**



**Hư Không** (Hư Không Tạng) Quán Tự Tại  
**Vô Năng Thắng** và **Phi**

Tiếp Bắc (phía Bắc) **Như Lai Bảo**  
**Như Lai Hào Tướng Tôn**  
**Đại Chuyển Luân Quang Tụ**  
**Vô Biên Âm Thanh Phật**  
**Như Lai: Bi Mẫn, Từ**

Tả (bên trái) **Bạch Tản Cái Phật**





\_Tiếp tả (bên trái) **Hào Tướng Minh** (Tathāgatorṇā)  
Trụ hoa Bát Đầu Ma (trụ trong hoa sen hồng)  
Tròn chiếu màu Thương Khu (màu trắng óng ánh )  
Cầm giữ Báu Như Ý  
Đầy đủ mọi ước nguyện  
Tuệ Quyền (quyền phải) để My Gian (tam tinh) [đuôi Phong (ngón trỏ) chỉ Không (ngón cái) tại Nội Chương]



\_ **Hào Tướng Chân Ngôn** là: (chẳng sinh mà hành tịnh hạnh, tức đồng với Nhân Trung Nhân Tối Thắng Tôn)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Phộc la nê** (Dữ Nguyên hay cho tất cả chúng sinh nguyện) **phộc la bát-la bát đế** (nguyện được. Như người có của báu hay ban cho người khác. Y theo do Ta thành tựu nguyện này hay tự tại ban cho ắt khiến hữu tình sung túc) **hông, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VARADE VARA PRĀPTA HŪM SVĀHĀ

### \_ **Nhất Thiết Chư Phật Đỉnh**

Tuệ Thủ (tay phải) chụm đầu ngón  
Đề đỉnh đầu thành Ấn (mật ấn)



**Chân Ngôn** ấy là: (Ấy là Đỉnh của chư Phật nhiều như số bụi nhỏ của cõi Phật ở mười phương. Đỉnh là nghĩa Tôn Thắng, tức được tròn tương Như Lai Đỉnh)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Noan** (chủng tử) **noan noan** (nghĩa của Phộc (VA) nhập vào chữ A tức không có cột trói. Không có cột trói là nghĩa cắt đứt đường ngôn ngữ, bên trên có điểm Đại Không. Ba lần nói rất khiến cho thành tựu nghĩa thanh tịnh) **hông hông hông** (lìa ba Nhân được ba Không) **phán tra** (chẳng sinh) **sa-phộc hạ**”





नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚĪSĪ VIJAYA UṢNĪṢA SVĀHĀ

**Quang Tụ Phật Đỉnh Chân Ngôn** là: [Nhu Như Vô Cấu. Đấy tức là Hòa Luân. Như Lai nhóm tụ hay trừ Âm thủy đều không (Vô)]

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Đát-lăng (2) đế nho la thí ỏ sất-nê sái, sa-phộc hạ**”

नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TRĪM TEJORAŚI UṢNĪṢA SVĀHĀ

**Trừ Chương Phật Đỉnh Chân Ngôn** là:

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Ha-lâm, vĩ chỉ la noa bán tổ ỏ sất-ni sái, sa-phộc hạ**”

नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HRŪM VIKIRAṆA PAṂCA UṢNĪṢA SVĀHĀ

**Quảng Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn** là:

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Trá-lỗ-hồng, ỏ sất-ni sái, sa-phộc hạ**”

नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TRŪM UṢNĪṢA SVĀHĀ

**Phát Sinh Phật Đỉnh Chân Ngôn** là:

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Thâu-lỗ-hồng , ỏ sất-ni sái, sa-phộc hạ**”

नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚRŪM UṢNĪṢA SVĀHĀ

**Vô Lượng Thanh Phật Đỉnh Chân Ngôn** là: [Hư Hợp (Hư Tâm Hợp Chương) quán buộc hai Phong (2 ngón trỏ) ở lung Hỏa (ngón giữa), Không (ngón cái) vịn ở lóng giữa của Hỏa (ngón giữa) như tướng Thương Khư lúc trước]

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Hồng, nhạ dục ỏ sất-ni sái, sa-phộc hạ**”

नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HŪM JAYA UṢNĪṢA SVĀHĀ

**Tiếp bày Thanh Văn Chúng**

**Phạm Giáp** làm tiêu xí (ở bên trái)

**Chân Ngôn** ấy là:

“**Năng mạt tam mãn đa một đà nam. Hê (thê) đố (nhân) bát-la đê-dã dã (duyên) vĩ nghiệp đa (lia) yết ma (sự nghiệp) niết nhạ đa (sinh) hồng**”

नमोऽस्तुते वसुधैव कुटुम्बकम्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA NIRJATA HŪM



नमोऽस्यै वसुधै कर्म कुर्वन् स्वैरुपकारैः  
 \*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ APARĀJITE JAYAMTI  
 TADITE\_ SVĀHĀ

\_Tiếp ở phương Đông Bắc  
 Bày hàng Chúng **Tĩnh Cư**

**Tự Tại:** Tay suy tư (tư duy thủ) [nghiêng đều dựa bàn tay]



**Phổ Hoa Phong** (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) sai (đuôi so le) [Hỏa (ngón giữa) vào bên cạnh phía trước ngực]



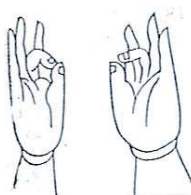
**Quang Man Không** (ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay)



**Mãn Ý Không** (ngón cái) Phong (ngón trỏ) hoa (tướng cầm hoa)



**Biên Âm Không** (ngón cái) đê Thủy (ngón vô danh)  
 Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ) dùng che tai (hai lỗ tai)





**Tự Tại Thiên Tử Chân Ngôn** là: (từ Pháp thanh tịnh sinh, chẳng đồng với Thế Thiên theo Nghiệp sinh. Tịnh Tâm suy tư, tay Thắng Diệu lia dơ bản, màu nhiệm đoan nghiêm vi diệu, đẹp ý tâm chúng sinh)”

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Án, bá la nễ đát-ma la để tỳ-dược, sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् ॐ पुराणित्म

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM\_ PŪRANITMA RATIBHYAḤ\_ SVĀHĀ

**Phổ Hoa Thiên Tử Chân Ngôn** là: [bung tay phải, Phong (ngón trỏ) vịn lưng Hỏa (ngón giữa), Không (ngón cái) giữ vạch bên cạnh Hỏa (ngón giữa), hơi co Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) ấn trước ngực]

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Ma nỗ la đạt ma ma tầm bà phộc, vĩ bà phộc, ca thác ca thác na, tầm tầm mang sái nê, sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् मानरामधर्मसम्भवाकथाकथानाम् ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MAÑO RAMA DHARMA SAMBHAVA\_ KATHĀ KATHĀNA SAṀ SAṀ MABHANE\_ SVĀHĀ

**Quang Man Thiên Tử Chân Ngôn** là: [Hữu Không (ngón cái phải) nhập vào lòng bàn tay, bung các Luân (các ngón tay)]

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Nhạ đồ ồ-xá tả nan, sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् जतुयस्याना ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ JATUYASYANA\_ SVĀHĀ

**Mãn Ý Thiên Tử Chân Ngôn** là: [Không (ngón cái) vịn bên cạnh Phong (ngón trỏ) ngang phía trước làm thế hiển hoa mãn ý **Phạm Chúng Sinh** (chúng sinh ở cõi Phạm Chúng) Chúng con đều từ Phạm Thiên sinh chẳng thấy **Oán Chúng** (chúng oán giận) . Nơi sinh của Đức Như Lai cũng như thế]

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. A Án cả ninh xỉ tỳ-dược sa-phộc hạ** (Chúng con đều y theo Tâm Phật sinh, chẳng thấy Như Lai có đầu cuối (chung thủy), tên gọi là **Xuất Thế Đại Từ Phụ**)”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् अहंकारनिवृत्तये ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM\_ HANAṬIṢA\_ SVĀHĀ

**Biển Âm Thiên Tử Chân Ngôn** là: [Tay Tuệ (tay phải) nghiêng lòng bàn tay, co ba Luân (3 ngón tay) khiến âm thanh này tràn khắp biết chư Thiên của Pháp Giới vui vẻ)

“**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Án, a bà tát-phộc lệ-tê, sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् अभास्वारेभ्याम् ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM\_ ĀBHASVĀREBHYAḤ\_ SVĀHĀ

Hành Giả ở góc Đông  
Tạo làm tượng HỏaTiên  
Trụ ở trong lửa bùng  
Ba điểm tro biểu tượng  
Sắc thân màu đỏ thẫm  
Tim để Ấn Tam Giác

Ở trong ánh lửa tròn  
Tuệ (tay phải) châu (trái châu), Định (tay trái) Táo Bình (bình chứa nước rưới  
vây)

Chưởng (lòng bàn tay) Ân, Định (tay trái) cầm trượng (cây gậy)  
Ngồi trên con dê xanh  
Phi Hậu hầu hai bên  
**Bà Tẩu Tiên, Tiên Phi**  
**A Nghệ La, Cồ Đàm**  
**A Đề Lý Dữ Tiên**  
**Với Tỳ Lý Cồ Tiên**

Tiếp đặt **Tự Tại Nữ**  
**Tỳ Nữ Dạ Ma Nữ**  
**Hiên, Ma Yết** nhị ngư (2 loài cá)  
**La Hầu, A Già La**  
**Đại Chủ Ha Tất Đa**

Tiếp đặt ở Ma Già  
Chúng **Thất Diệu** xen kẽ  
**Tự Ký Chất Đa La**  
**Quả Đắc Vĩ Xá Khư**  
**Dược Xoa, Chúng Trì Minh**

Tiếp **Tăng Trưởng Thiên Vương**  
Cửa Nam **Rồng Nan Đà** (Nanda Nāgarāja)  
Đại Long Vương **Ô Ba** (Upananda Nāgarāja)  
Và hai **Tu La Vương**

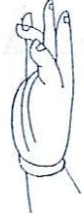
Gần cửa **Hắc Âm Thiên**  
Tiếp **Diệm Ma La Vương**  
Tay cầm **Án Đàn Noa**  
Ngồi trên lưng con trâu  
Màu mây huyền sấm sét  
**Thất Mẫu** (7 vị mẫu) và **Hắc Dạ**  
**Tử Hậu Phi** (Phi Hậu của Tử Ma Thiên) vây quanh  
Chúng Nữ **Quỷ Phụng Giáo**  
**Quỷ Chúng, Noa Cát Ni** (Dākinī)  
Chúng **Thành Tự Đại Tiên**  
**Ma Ni A Tu La**  
Với chúng **A Tu La**  
**Kim Xí Vương** và **Nữ** [chuẩn (dựa theo) An **Cửu Đầu Long** ]  
**Cưu Bàn Đồ** (Kumbhanda) với **Nữ**

**Hỏa Thiên:** Không (ngón cái) tại chưởng (lòng bàn tay)



### **Phộc Tư Tiên Đăng Ấn**

Không (ngón cái) giữ lóng hai Địa (lóng thứ hai của ngón út)  
Thứ tự mở bung khắp (trước tiên mở ngón trỏ)



### **Diệm Ma (Yama) Định Tuệ hợp (chấp 2 tay lại)**

Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ) đều vào Nguyệt (lòng bàn tay)



### **Bảy Mẫu: Tam Muội Quyền (quyền trái)**

Rút Không (ngón cái) dựng Chùy Ấn (ở trái tim)



### **Ám Dạ Tam Muội Quyền (quyền trái)**

Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) đều kèm dưới [Không (ngón cái) đè trên Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)]



### **Diệm Ma Phi Hậu Đạc**

Tuệ Thủ (tay phải) rũ năm Luân (5 ngón tay)

Giống như tướng **Kiện Tra** (Ghamṭa: cái chuông)



**Đồ Cát Ni (Dākinī) Định Chương (lòng bàn tay trái)  
Nhĩ Hạ Phộc (Jihva: cái lưỡi) liếm chạm**



**Hỏa Thiên Chân Ngôn** là: [Định (tay trái) an lòng bàn tay ngang trái tim, Hỏa (ngón giữa) Không (ngón cái) cùng vịn nhau như hình tam giác. Tuệ (tay phải) dựng bốn Luân (4 ngón tay) đặt ngang Không (ngón cái) trong lòng bàn tay, co Phong (ngón trỏ) triệu mời ba lần]

**“Năng mạc tam mãn đa một đà nam. A nghi-năng duệ, sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AGNAYE\_ SVĀHĀ

**Hỏa Thiên Hậu Chân Ngôn** là:

**“Năng mạc tam mãn đa một đà nam. A khởi ni duệ, sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AGNIYE\_ SVĀHĀ

**Phộc Tư Tiên Chân Ngôn** là:

**“Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Phộc tư sắt-tra lật-sam, sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VASIṢṬA ṚṢI\_ SVĀHĀ

**A Địch Lý Tiên Chân Ngôn** là:

**“Năng mạc tam mãn đa một đà nam. Ác đê-la dã ma hạ lật-sam, sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ATREYE MAHĀ-ṚṢI\_ SVĀHĀ

**Vĩ Lý Cờ Tiên Chân Ngôn** là:

**“Quy mệnh. Bỉ-lý câu đa-ma ma ha lật-sam , sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AGERA MAHĀ-ṚṢI\_ SVĀHĀ

**Kiều Đáp Ma Tiên Chân Ngôn** là:

**Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Bà-lý du đát-ma ma hạ lật-sam, sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ नमो भगवते वासुदेवाय नमो ॐ

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ BHRGOTAMA MAHĀ-ṚṢI\_ SVĀHĀ

**Nghiệt Lật Già Tiên Chân Ngôn** là:

**“Năng mạc tam mạn đa một đà nam. Câu đát-ma ma ha lật-sam, nghiệt lật-già, sa-phộc hạ”**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GOTAMA MAHĀ-RṢI GARGHA\_ SVĀHĀ

**\_Tăng Trưởng Thiên Vương Chân Ngôn** là: [Hai Vũ (2 tay) cùng hợp lưng, Hỏa Luân (ngón trỏ) câu móc như sợi dây, co Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) như móc câu. Tay trái cầm cây đao, tay phải cầm cây giáo với gốc chạm mặt đất]

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam (1) Ân, vĩ lỗ đồ ca (2) được khát-xoa địa bả đa duệ (3) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM VIRŪDHAKA YAKṢA ADHIPATĀYE\_ SVĀHĀ

**\_Diêm Ma Vương Chân Ngôn** là: (Trụ Vô Phộc Tam Muội hay giải sự cột buộc của chúng sinh, chẳng dùng Phi Pháp giữ tội phước không có sai lầm, lìa lời nói, dứt Hý Luận Thừa như địa vị Pháp Vương tự tại trong sinh tử)

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Phộc (Chúng tử không có bội phản) phộc (trụ chắc) sa-phộc đa dã, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VAIVASVATĀYA\_ SVĀHĀ

**\_Tử Vương Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Một-lý (chúng tử) đế-dã phệ (Đây có nghĩa là Chết, giết, cắt đứt; tên gọi căn bản là giết chết. Ý là cắt đứt phiền não của tất cả chúng sinh, tự tại ở Pháp) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MRITYAVE SVĀHĀ

**\_Diêm Ma Thất Mẫu Chân Ngôn** là: (có bảy chị em gái là nhóm Già Muộn Noa, Kiều Ma Lý...)

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Mang (chúng tử) đế-lý tỳ-duợc (2) sa-bà hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MĀTRBHYAḤ SVĀHĀ

**\_Ám Dạ Thần Chân Ngôn** là: (vị Hậu đứng hầu Diêm Ma. Nơi sở hành của Quỷ Mỹ làm cho hữu tình có nhiều nỗi sợ hãi. Vị Thần này ở trong Đêm gia hộ đem lại an vui. Chúng sinh bị nghiệp hư vọng, mê lầm nên bị đọa đông đúc. Đức Như Lai ở nửa đêm thành Phật làm ánh sáng chiếu rọi)

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Ca la la đế-lý duệ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ KĀLA-RĀTRĪYE SVĀHĀ

**\_Diêm Ma Hậu Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đà một đà nam. Ma-lý đát-dã phệ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MRITYAVE SVĀHĀ

Phụng Giáo Quan Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Chỉ đất-la ngu bát-đa dã, sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् चित्रगुप्तये स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ CITRA-GŪPTAYA - SVĀHĀ

Noa Cát Ni Chân Ngôn là: (Ly Nhân Vô Cấu Không Tam Muội)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Hiệt-lợi, ha** (chữ trên là lia nhân không dơ bản, bên trên có Tam Muội, điểm bên cạnh cũng là phần nộ. **Ha** nghĩa là Nhân, có điểm Phần Nộ vậy) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् ह्रीं हां स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HRĪḤ HAḤ\_ SVĀHĀ

Chủ phương Nê Lý Đề (phương Tây Nam)

Tên Hiệu **Đại La Sát**

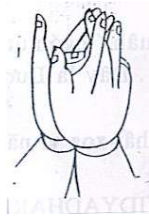
Hình khùng bố cầm đao (Tuệ Đao)

Là các **La Sát Sa** (Rākṣasa)

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chưởng) Thủy (ngón vô danh) vào Nguyệt (lòng bàn tay)

Dụng Phong (ngón trỏ), Không (ngón cái) Hỏa (ngón giữa) giao

Với nhóm **La Sát Nữ**



La Sát Chủ Chân Ngôn là: [Tay trái, Không (ngón cái) vịn móng Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) kèm dụng Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trỏ)]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. La cật-sát sa** (ã. **Sa** nghĩa là thọ nhận, **La** là dơ bản, bên cạnh có điểm là Bồ Đề cũng là hay ăn , tiếng **A** tức là hành, **Cật Sát** là Lý Không) **địa** ( Pháp Giới Tam Muội) **ba đá** (vương, vua) **duệ** (trụ, chỉ Đức ấy khiến cho kẻ kia nghe xong thì vui vẻ, mãn mọi nguyện) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् रक्षसाधिपतये स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RĀKṢASA ADHIPATAYE\_ SVĀHĀ

La Sát Tư Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Lạc khát-sát sa, nga ni nhĩ , sa-phộc hạ**”

ॐ नमःसमन्तबुद्धानाम् लक्षसिगणिपि स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RĀKṢASI-GAṆIPI - SVĀHĀ

La Sát Chúng Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Lạc khát-xoa tế tỳ-dược, sa-phộc hạ**”

नमोऽस्मिन् बुद्धाय नमः ॥ रक्षसेभ्यः स्वहा

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RĀKṢASEBHYAḤ \_ SVĀHĀ

\_ Trong cửa Tây , hai bên (trái phải)

**Phan Nộ Vô Năng Thắng**

**A Tỳ Mục Khư** đôi

**Nan Đồ, Bạt Nan Đồ**

Với dùng các **Địa Thần**

**Long Vương Phộc Lỗ Noa**

Hình Trời, dáng người nữ

Ngồi trên rùa **LONG QUANG**

Chúng **Chấp Diệu**, Tôn Thần

Đôi nhau sinh **Đại Quang** (ánh sáng lớn)

**Tịch Hạt Cung, Xứng Cung**

**Nguyệt Diệu** với **Nữ Thiên**

**Nam Thiên, Ma Nô Xá**

**Già Văn, Cưu Ma Lợi**

Hai Thiên Nữ **Thích Phạm**

**Tự Tại, Ô Ma Phi**

Cửa Bắc nên an bày

**Quảng Mục**, Chúng **Trời Rộng**

**Long Vương, Phi, Quyển Thuộc**

**Na La, Tỳ Nữu , Phi**

**Biện Tài, Tắc Kiến Năng** (Skanda)

**Nguyệt Phi, Chiến Nại La** (Candra)

**Phong Thiên** với Quyển Thuộc

**Cổ Thiên, Ca Thiên Nữ**

Chúng **Ca Thiên, Nhạc Thiên**

**Phong Thiên** với quyên thuộc

**Thiên Sứ** và nhóm **Phi**

**Thủy Thiên** cầm sợi dây

Các **Rộng**, che bung chuông (lòng bàn tay)

Hai **Không** (2 ngón cái) trợ chéo nhau



Hai **Rộng**, chuông trái phải

Hỗ trợ đè lên nhau



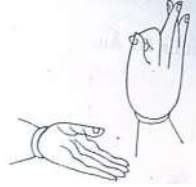
**Địa Thần** cầm bình báu

**Biện Tài** tức **Diệu Âm**

Tuệ (tay phải) Phong (ngón trỏ) giữ nơi Không (ngón cái)

Vận động như tấu nhạc

Trời ấy: **Phí Noa Ấn**



**Na La Diên** cầm Luân (bánh xe)

Đem Định Chưởng (lòng bàn tay trái) bung tán



**Hậu Khế** Không (ngón cái) giữ Phong (ngón trỏ)

Tròn đầy như Luân Thế (thế bánh xe)



**Tắc Kiến Năng Đồng Tử**

Ba đầu cỡi Không Tước (chim công)

**Thương Yết La Kịch Ấn**

Định (tay trái) Không (ngón cái) đè ngay Địa (Ngón út)

[Hơi co ba ngón bung tán , Không(ngón cái) vịn móng Địa (ngón út) để đối hợp, nói tri]



**Hậu Ấn** Không (ngón cái) giữ Địa (ngón út)









Hậu Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Vĩ sắt-noa nhĩ , sa-phộc hạ**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIṢṆUVI\_ SVĀHĀ

Nguyệt Thiên Chân Ngôn là: (Du Già viên mãn Tính Thật Thể tròn sạch thanh tịnh khắp, chiếu khắp ở Thế Gian hay trừ sự rất nhiệt não, ban cho cam Lộ của Thuốc Pháp thanh tịnh. Mười sáu phần thì mười lăm phần ban cho **Hữu Thanh** (?có sự trong lành), một phần quay lại sinh **Chiến** (च: CA) ấy là mặt trăng trong không sinh diệt ví như Tam Muội)

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Chiến** (chủng tử) **nại-la** (Bất Tử) **dã, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ CANDRĀYA\_ SVĀHĀ

Nhị Thập Bát Tú Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Án, a sắt tra vĩ-dụng thiết để nam, nặc khát-sát đất-la tỳ-dược, nễ năng ninh duệ, trích kế hồng nhạ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM\_ AṢṬA-VIṢANĪNĀM NAKṢATREBHYAḤ NIRJADANIYE\_ ṬAKKI HŪM JAḤ\_ SVĀHĀ

Ma Hê Thủ La Thiên Chân Ngôn là: [Hai vũ (2 tay) cài chéo các ngón bên ngoài, bên trái đè bên phải, dựng thẳng Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) thành triệu mời, cúng dường Bản Thiên với tất cả Hiền Thánh]

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Án, ma hệ thấp-phộc la dã , sa-phộc hạ**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM\_ MAHEŚVARĀYA\_ SVĀHĀ

Ô Ma Phi Chân Ngôn là:

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Ô ma nhĩ nhĩ, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ UMA JAMI\_ SVĀHĀ

Giá Văn Trà Chân Ngôn là: [cũng gọi là Phục Ma Án, dùng Án này. Ngửa tay Định (tay trái) như cầm **Kiếp Ba La** (Kapāla: đầu lâu) để ở miệng]

“**Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Án, hộ lỗ, hộ lỗ, tả môn noa, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ OM\_ HURU HURU CĀMUṆḌA\_ SVĀHĀ

Phong Thiên Chân Ngôn là: [Dùng Phộc (VĀ) nhập vào chữ A xưa nay không có sự cột trói, là **Chân Giải Thoát Vô Ngôn Tam Muội** rớt ráo rỗng không. Trong không (trống rỗng) xoay chuyển không có ngại, Thần Thông đi ngược tận Mê Tinh chấp chặt không dư sót, được tự tại, mau độ nơi Hữu Tình]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Phộc** (chúng tử) **dã phệ** (gọi là Chân Ngôn) **sa-phộc hạ**”

ॐ ममःसमं न व ह नं न व द्य व न म न न

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VĀYAVE\_ SVĀHĀ

Phuong Bắc, trong cửa bày  
Ròng **Nan Đà Ô Ba** (Nanda, Upananda)  
**Câu Phi La và Nữ**

Tiếp Tây, **Xả Khất La** (Śakra: Tên của Trời Đế Thích)  
Chúng **Đế Thích**, Quyển Thuộc  
**Minh Nữ Ca Nhạc Thiên**  
**Ma Hầu La, Nhạc Thiên**  
Chúng **Ma Hầu La Già**  
**Thành Tựu Trì Minh Tiên**  
**Trì Man và Thiên chúng**  
**Tha Hóa, Đâu Suất Thiên**  
**Quang Âm, Đại Quang Âm**

Cửa Đông: **Tỳ Sa Môn**  
**Cát Tường Công Đức Thiên**  
Tám chúng **Đại Dược Xoa**  
**Trì Minh Tiên, Tiên Nữ**  
Nhóm **Bách Dược Ai Tài**  
**Hiền, Câu, Bản Phương Diệu** (các sao Cháp Diệu)  
Và **A Thấp Tỳ Nễ**  
**Đa La Mãn Giả Bách**  
Mười hai **Thuộc Nữ Thiên**  
Chúng **Bàng Giải, Sư Tử** (12 cung )  
**Đại Chiến Quỷ, Đại Bạch**  
Nhóm **Tỳ Na Dạ Ca**  
**Ma Ha Ca La Thiên**

Đa Văn Hư Tâm hợp (hư tâm hợp chưởng)  
Hai Địa (2 ngón út) vào chưởng giao (giao nhau trong lòng bàn tay)  
Dụng Không (ngón cái) co cạnh Phong (ngón trỏ)  
Cách nhau khoảng một thốn

Tả (bên trái) **Dược Xoa** Nội Phộc  
Dụng Thủy (ngón vô danh) co hai Phong (ngón trỏ)





“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Dược khát-xoa** (Thuốc, là câu nghĩa của Thừa. Nghĩa là ăn nuốt) **thấp phộc la** (Tự Tại. Nơi ăn tất cả phiền não mà tự tại cho nên làm tên gọi) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ YAKṢEŚVARĀYA\_ SVĀHĀ

**Chư Dược Xoa Nữ Chân Ngôn** là: [Hai Vũ (2 tay) Địa (ngón út) Không (ngón cái) nhập vào lòng bàn tay, Không (ngón cái) vịn móng Địa (ngón út) , Phong (ngón trỏ) Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh) cùng vịn nhau, bung tán giống như Tam Muội Gia]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Dược khát-xoa** (ăn) **vĩ nễ-dã** (to lớn, ngược lại là Minh) **đạt lý** (câu nói rằng Dược Xoa Trì Minh. **Vĩ** là cột trời, ăn nuốt cột trời vậy) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ YAKṢA VIDYA-DHARI\_ SVĀHĀ

**Chư Tỳ Xá Già Chân Ngôn** là: (Quý đoi cực khổ thường đoi khát nhiệt não bói trăm việc ác , nhân duyên Đệ Nhất Nghĩa Đế mà lia được, nghiêng về Đại Bi chẳng bỏ chúng sinh bị khổ đau)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Tỳ xá già** (Xí Thần (Thần ở nhà câu) **nghiệt đế** (lời nẻo, Đệ Nhất Nghĩa Thú chẳng thể đắc) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PIŚĀCA GATI\_ SVĀHĀ

**Chư Tỳ Xá Chi Chân Ngôn** là: (tên là Tỳ Xá Tử Nễ Nam)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Tỳ chỉ, tỳ chỉ** (Bả là Đệ Nhất Nghĩa, Già nghĩa là lia sinh tử, dùng biết Đệ Nhất Nghĩa) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ PICI PICI\_ SVĀHĀ

**Đông Bắc Y Xá Na**

Nhóm **Bộ Đa** quyền thuộc

Kích Ấn, Tam Muội Quyền (quyền trái)

Dụng Hỏa (ngón giữa) Phong (Ngón trỏ) co lưng

**Y Xá Na Thiên Chân Ngôn** là: (Hóa Thân của Ma Hê Thủ La)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Lỗ** (làm Tâm) **nại-la** (Trao cho) **dã** (Bản Danh làm Chân Ngôn) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RUDRĀYA\_ SVĀHĀ

**Chư Bộ Đá Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Ngung ải, ngung y, mạn sa đa thứ, bộ đá nam, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GUM Ī\_ GUM Ī\_ MAM SAMTE\_ BHŪTĀNĀM\_ SVĀHĀ

**Cửa Đông Đệ Thích Thiên**

An trú núi Diệu Cao  
Mão báu, đeo Anh Lạc  
Tay cầm chày Độc Cổ  
Thiên Chúng tự vây quanh

Tả (bên trái) để chúng **Nhật Thiên**  
Xe tám ngựa giữa đường  
Hai **Phi** ở hai bên (trái phải)

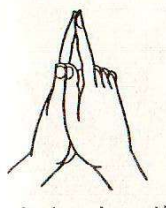
**Thệ Gia, Tỳ Thệ Gia**  
**Ma Lợi Chi** ở trước (trước mặt)  
**Thức Xứ, Không Xứ Thiên**  
**Vô Sở, Phi Tướng Thiên**  
**Kiên Lao Thần** và **Hậu**  
**Khí Thủ Thiên, Thiên Hậu**  
**Thường Túy Hỷ Điện Thiên**

Hai bên (trái phải) hai **Thủ Môn**  
Và hai **Thủ Môn Nữ**  
**Trì Quốc, Đại Phạm Thiên**  
**Tứ Thiên, năm Tịnh Cư**

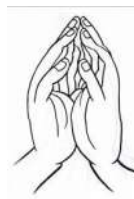
Tiếp **Mộc Giả, Tác Giả**  
**Ô Đầu Phục Mễ Thấp**  
Nhóm **Tăng Ích Bất Nhiễm**  
**Dương Ngưu, Mật, Phu Phụ**  
**Tuệ, Lưu Tinh, Phích Lịch**  
Quyền thuộc **Nhật Thiên Tử**

**Đệ Thích Ân Nội Phộc**

Duỗi hai Phong (2 ngón trỏ) như kim [Dụng Không (ngón cái)]



**Nhật Thiên** ngựa Phước Trí (2 tay)  
Thủy (ngón vô danh) vào giữ cạnh Không (ngón cái)  
Hỏa Luân (ngón giữa) muốn kèm nhau  
Duỗi hai Địa Luân (ngón út) hợp



### **Xả Gia, Tỳ Xã Gia**

Tay Bát Nhã Tam Muội (2 tay)

Lóng Phong (ngón trỏ) Địa (ngón út) chung lưng

Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa) tự giữ nhau

Kèm Không (ngón cái) để ở tim



Chín **Cháp** hợp hai vũ (2 tay)

Kèm Không Luân (ngón cái) mà duỗi



**Phạm Thiên** cầm sen hồng (dựa theo Nguyệt Ấn)

Tam Muội (tay trái) Không (ngón cái) vịn Thủy (ngón vô danh)



**Minh Phi Phong** (ngón trỏ) đè Hỏa (ngón giữa)

Không (ngón cái) giữ lóng giữa Thủy (ngón vô danh)

**Càn Thất Bà Mật Ấn**

Nột Phộc duỗi Thủy Luân (ngón vô danh)



**Tu La** dùng tay Trí (tay phải)

Phong (ngón trỏ) ghé trên Không Luân (ngón cái)

[Định Thủ (tay trái) như Diệu Âm. Chư Thiên nếu làm sự nghiệp, Ấn Đàn Thủ làm cũng được]





**Đế Thích Thiên Chân Ngôn** là: (hoặc nói là: Nội Phộc, hợp dựng Không (ngón cái) Địa (ngón út). E ngại sai lầm Phước này. Đế Thích trong Trời Người rộng làm hàng trăm đại hội Vô Già, là đại thí chủ. Chữ **Thích** là vắng lặng buông xả các dơ bẩn, bản tính không có sinh, tịnh đất Tâm dùng biểu thị trang nghiêm Tịnh Pháp Thân)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Thước** (chủng tử) **cật-la đã** (tăng tiến) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ ŚAKRAYA - SVĀHĀ

**Trì Quốc Thiên Chân Ngôn** là: [Quyền phải dựng Không (ngón cái) Phong (ngón trở) như móc câu chằng dính nhau. Tay trái dựa theo đây cùng giao cổ tay]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Án, địa-lệ đa la sắt-tra, la la, bát-la mạt đà-na, sa-phộc hạ** (Mọi loại áo trời nghiêm sức. Tay trái rũ xuống dưới cầm cây đao, trên lòng bàn tay phải xuất ra báu)”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ OM DHṚTA-RĀṢṬRĀ RA RA PRAMODANA\_ SVĀHĀ

**Nhật Thiên Tử Chân Ngôn** là: (Thế Gian, ấy là lợi chúng sinh. Chữ A chẳng sinh ví như Phật Nhật Tam Muội. Mặt trời xuất hiện phá các ám, Tâm Bồ Đề tự nhiên khai mở nương theo Chân Như Thật Tướng Đại Quang Biểnh Chiếu Pháp Giới Tôn này)

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. A nễ đát-dạ đã, sa-phộc hạ**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ ĀDITYĀYA\_ SVĀHĀ

**Ma Lợi Chi Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Án, ma lợi chi, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ OM MARĪCI SVĀHĀ

**Thất Diệu Thập Nhị Cung Thần Cứu Chấp Chân Ngôn** là: [Tay Định Tuệ (2 tay) cùng hợp nhau, hơi cơ Không (ngón cái) lia Hỏa Luân (ngón trở). Một lối nẻo này là Phi Nhân Phi Quỷ hay làm khung bố người thời có tên gọi là Chấp Diệu. Nếu gần Tú tức hợp lấy Cứu Chấp làm Định]

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Nghiệt-la hê** (hành, nhân dơ bẩn) **thấp-phộc lý-dã** (tự tại) **bát-la bát-đa** (đắc, được) **nhụ để** (sáng, các Diệu) **ma đã** (Tịnh. Trong tính sáng mà được tự tại. Hô tên gọi này được tự tại) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIR-MAYA\_ SVĀHĀ

**Phạm Thiên Chân Ngôn** là:

“**Năng mặc tam mạn đa một đà nam. Bát-la** (chủng tử) **nhạ** (tắt cả chúng sinh) **bát đa duệ** (chủ) **sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ PRAJAPATAYE\_ SVĀHĀ

**Càn Thát Bà Chân Ngôn** là: (Tiếng thanh tịnh bình đẳng, diễn ra âm mỹ diệu của ngôn từ khiến hết thảy người nghe vui vẻ)

**Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Vĩ thú đà** (thanh tịnh) **tát-phộc la** (Âm) **phộc hệ nễ** (xuất ra. Lời nói xuất ra âm thanh tịnh đều là Thế Gian Tam Muội) **sa-phộc hạ**”

ॐ म्मममम व व व न् न् न् (उ सु व व् व् व् (उ उ न् न् न् व व्

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ VIŚUDDHĀSVARA VĀHINI SVĀHĀ

**Chư A Tu La Vương Chân Ngôn** là: (chữ La lia lơ bần chẳng thể đắc)

**“Năng mạt tam mạn đa một đà nam. A tố la la diên** (hành) **la cáp la cáp, đặc-mang , đăm một-la, bát-la, sa-phộc hạ**”

ॐ म्ममम व व व न् न् न् म्ममम व व व न् न् न्

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ ASURĀ GARALAYAM - SVĀHĀ

**Ma Hầu La Già Chân Ngôn** là (tên gọi là **Ma Lâu La Nga**: Mahoraga)

**“Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Nghiệt la lam vĩ la lân, sa-phộc hạ**”

ॐ म्ममम व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न्

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ GARALAM VIMRALIM SVĀHĀ

**Chư Khẩn Na La Chân Ngôn** là:

**“Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Hạ ca sa nam, vĩ hạ tát nam** (tên gọi) **chỉ na la noãn, sa-phộc hạ**”

ॐ म्ममम व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न्

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ HAKHASANAM VIHASANAM \_ KIMNARĀNĀM \_ SVĀHĀ

**Chư Nhân Chân Ngôn** là: [tên gọi là **Ma Nỗ Sủ-dã noãn** (Manuṣyāṇām)]

**“Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Nhất xa bát lam, ma nỗ ma duệ mê,sa-phộc hạ**”

ॐ म्ममम व व व न् न् न् ॐ क प रं म न् न् म य म्म व व

\*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ ĪCCHA PARAM MANU-MAYE ME\_ SVĀHĀ

**Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn** là: (Phổ Ấn)

**“Năng mạt tam mạn đa một đà nam. Lộ** (chủng tử) **ca lộ ca** (Thế Gian. Tức nghĩa là Âm Minh) **yết la dã** (tác làm) **tát phộc nỉ phộc** (tất cả Trời) **năng nga** (Rồng) **duợc khát-xoa, kiện đạt phộc, a tố la, nga lỗ noa** (Kim Xí) **khẩn năng la** (tiếng nhạc) **ma hộ la nga** (Chúng Đại Long Xà) **nễ** (Đẳng, các Bộ nhiếp) **ha-lý nại dã nễ-dã** (Tâm) **yết la-sái** (làm cho sáng) **dã** (nhiếp Tâm của nhóm tám Bộ) **vĩ chất đất-la nghiệt đế** (mọi loại lỗi nẻo) **sa-phộc hạ**”

ॐ म्ममम व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न् व व व न् न् न्

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ LOKA ALOKĀ-KARĀYA \_ SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GĀNDHARVA ASURA GARUḌĀ

KIMNARA MOHĀRAGA DI\_ HRDĀYA ANYA AKARṢĀYA VICITRAGATI  
SVĀHĀ

Này Bí Mật Chủ! Như vậy Thượng Thủ, các Như Lai Ấn từ **Tín Giải** của Như Lai sinh (Thượng Thủ của nhóm này như các Ấn đã nói bên trên cho đến Đồ Cát Ni là sau cuối. Nếu rộng hết quyền thuộc của Bộ Loại thì số ấy vô biên như mười vạn bài Kệ của Quán Bản đã nói và Bản này chỉ đề cử Thượng Thủ ấy như mực thước của Đề Cương) tức đồng với tiêu xí (vật tiêu biểu) của Bồ Tát, số ấy nhiều vô lượng.

Lại nữa Bí Mật Chủ! Cho đến thân phần, cử động, trụ, dừng nên biết đều là Mật Ấn. Nơi chuyển của tướng lưới rất nhiều lời nói đạt lối nẻo của Bí Mật, hay tịnh Tâm Bồ Đề. Vì dùng Tâm tịnh cho nên thông đạt Pháp bí mật. Phàm mọi việc làm đều vì lợi ích điều phục chúng sinh tùy theo chỗ bố thí mà làm, không có chỗ nào chẳng tùy thuận uy nghi của Phật. Tất cả thân phần cử động, ban bố, làm không có gì chẳng phải là Mật An. Hết thấy ngôn ngữ đều là Chân Ngôn vậy.

Chính vì thế cho nên Bí Mật Chủ! Các Bồ Tát tu **Hạnh Bồ Tát** trong môn Chân Ngôn đã phát Tâm Bồ Đề cần phải trụ Như Lai Địa, vẽ Mạn Đồ La (A Xà Lê nên thể giải Pháp của nhóm Mật Ấn, Chân Ngôn, mỗi mỗi chẳng ngược với pháp tắc, tu lâu Du Già Quán Hạnh, tịnh nghiệp thân khẩu ý, thể giải hạnh của Pháp Môn ba Mật bình đẳng tức là đồng với chư Phật, Bồ Tát. Lý Sự chẳng ngược nhau, khéo biết thứ tự. Lại chẳng làm mất, nên biết đều được lợi lớn chẳng hư dối). Nếu khác với điều này đồng với việc bài báng chư Phật Bồ Tát, vượt Tam Muội Gia, quyết định đọa vào nẻo ác (tất cả Như Lai đã lập Bản Thệ vì muốn làm khắp cho tất cả chúng sinh, mở **Tri Kiến** của Phật khiến cho thấy đều như Ta, phương tiện lập Pháp Ấn này giống như Đại Vương của Thế Gian ban Nghiêm Sắc, Giáo Lệnh thì chẳng thể vượt qua. Kẻ vượt qua ắt vương trọng trách vậy. Thấy đều thuận Giáo Điển, xem xét cầu Kinh Pháp. Lại dò tìm Minh Sư đừng để tự mình sai lầm vậy. Nếu chẳng thuận Pháp Tắc thời chỉ uổng phí công phu, quang cảnh hư hỏng đáng bị vứt bỏ. Rốt ráo không có chỗ thành chỉ chiêu lấy tội lâu dài không có lợi ích chi)

Nghi ngờ vật chẳng sạch

Đều quán chữ **Lam** đốt

Làm việc gia trì thân

**Thập Lực Minh** mới ăn

“**Nặng mặc tát phộc một đà mạo địa tát đất-phộc nam (1) Ấn, ma lan nại nê đế nhụ mang lật mật, sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀNĀM \_ OM BALIṀ  
DADA ME – MAHĀ-BALIḤ \_ SVĀHĀ

Tịnh Ý tác niệm tụng

Số Công Hạnh chưa hết

Khoảng giữa chẳng gián đoạn

Hoặc nói hoặc nên ra

Hoặc do nơi phóng dật

Khiến số hạn chẳng hết

Liên thiếu chỗ thành tựu

Hoặc Yếu Ngữ nên quán

Chữ **Lam** ( 𑖀 \_RAM) tại đầu lưới

Hoặc tập **Bộ Mẫu Minh**

Giả sử ngữ bất gián (lời nói chẳng bị gián đoạn)

Cầm châu (tràng hạt) để trên tim

Dư (còn lại điều khác) như **Tô Tất Địa**

Mỗi một các Chân Ngôn

Tác Tâm Ý niệm tụng

Thở ra vào là hai

Thứ nhất thường tương ứng

Chữ A bày chi phần

Trì đủ ba Lạc Xoa (ba trăm ngàn biến)

**Phổ Hiền với Văn Thù**

**Chấp Kim Cương, Thánh Thiên**

Hiện trước mặt xoa đỉnh

Hành Giả cúi đầu lễ

Mau dâng nước Át Già

Ý sinh Hương, vòng hoa

Liên được thân thanh tịnh

Xong phần hạn niệm tụng

Đặt châu (tràng hạt) vào chỗ cũ

Mới vào **Tam Ma Địa** (Samādhi:Định)

Thực khoảng (khoảng một bữa ăn) từ Định ra

Lại kết **Căn Bản Ấn**

Chân Ngôn bảy biến xong

Tiếp bày **Hư Không Nhãn**

Dâng hiến nhóm hương hoa

Diệu Già Đà đẹp ý

Át Già với Phát Nguyện

Nói Cứu Thế Gia Trì

Khiến Đạo **Pháp Nhãn** biến

Trụ lâu khắp mọi nơi

Nên hợp Kim Cương Chương

Tùy Minh chạm khắp thân

(Mười vạn là một lạc xoa, một trăm vạn là một Câu Chi, một Câu Chi làm A Dữu Đa, một A Dữu Đa làm một Na Do Tha, rộng như kinh Hoa Nghiêm)

**Gia Trì Cú Chân Ngôn** là:

“**Năng mạn tam mạn đa bột đà nam (1) Tát phộc tha (2) thẳng thẳng (3) đát-lăng đát-lăng (4) ngưng ngưng (5) đạt-lân đạt-lân (6) sa-tha bà dā, sa-tha bà dā (7) một đà tát để-dā phộc (8) đạt ma tát để-dā phộc (9) tăng già tát để-dā phộc (10) sa phộc ca phộc (11) hồng hồng (12) phệ nā vĩ nê (13) sa-phộc hạ**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय  
ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

\*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVATHĀ ŚAM ŚAM TRAM  
TRAM GUṆ GUṆ DHARAM DHARAM STHĀPAYA STHĀPAYA  
BUDDHĀ-SATYA VĀ DHARMA-SATYA VĀ SAMGHA-SATYA VĀ  
SVĀKA VĀ HŪM HŪM VEDA VIDE SVĀHĀ

**\_Nan Kham Nhẫn Đại Hộ**  
Chuyên trái, giải Đại Giới  
Hoàn trình **Tam Muội Gia**  
Bung tán trên đỉnh đầu  
Tâm tiền đưa Thánh Thiên  
Năm Luân sát đất lễ  
Nên khai bạch Chúng Thánh  
**Các Như Lai hiện tiền**  
**Các Bồ Tát cứu đời**  
**Chẳng đoạn Đại Thừa Giáo**  
**Đến địa vị Thù Thắng**  
**Nguyện xin chúng Thánh Thiên**  
**Quyết định chứng biết con**  
**Đều nên tùy chôn an**  
**Sau lại thương xót đến**  
Chân Ngôn là:

“**Án (1) Cật-lý đố- phộc (2) tát phộc tát đất- phộc la tha (3) tát địa nại đa (4) dã tha nỗ nga (5) nghiệt xa đặc-phạm (6) một đà vĩ sái diêm (7) bồ năng la nga ma năng dã đố (8) An, bát na-ma tát đất phộc mục (9)** (đã phụng thỉnh chư Tôn đều quay về nơi trụ, chẳng vì nơi của Vô Đẳng Bản Thệ mà lưu lại)”

ॐ ऋषवः सर्वसर्वथ (सर्वसर्व एवसर्वगतकं वरुषथं  
पुनरगतसर्वथुं ॐ पद्मसर्व सुः

\*)OM – KRTOVAḤ, SARVA SATVA ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA  
ANUGĀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARĀGAMANĀYATU –  
OM– PADMA-SATVA MUḤ

**\_Như trước ba Mật Hộ**  
**Nhóm sám Hối, Tùy Hỷ**  
Suy tư **Tâm Bồ Đề**  
Mà trụ **thân Tát Đồa**  
Nơi Thánh Lực gia trì  
**Hạnh Nguyện** tương ứng nên  
**Trì Minh** truyền **Bản Giáo**  
Không vượt **Tam Muội Gia**  
Thuận hành ở nơi học  
Tất Địa sẽ hiện tiền  
Ta y **Đại Nhật Giáo**  
Mở bày Hạnh **Du Kỳ**  
Tu chứng phước thù thắng  
Lợi khắp các Hữu Tình

KINH ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ  
LIÊN HOA THAI TẶNG BỒ ĐỀ TRÀNG TIÊU XÍ PHỔ THÔNG CHÂN NGÔN TẶNG  
THÀNH TỰU DU GIÀ  
**\_QUYỂN HẠ (Hết)\_**

**Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Tựu Du Già** có 3 quyển do PHÁP TOÀN A Xà Lê  
trụ ở chùa Thanh Long đã soạn tập cho nên gọi là **Thanh Long Tự Nghi Quỹ**

Bản này do ba vị Thầy TỪ GIÁC, TRÍ CHỨNG, DUNG TUỆ thỉnh về. Có điều Bản khắc của ngày nay chưa dám quyết định là bản của vị Thầy nào

Nếu y theo **An Nhiên Lục** thì ghi là: Duệ đồng với Bản trước, có điều dùng phần ghi chú bên dưới thì có khác, ắt là bản của TÔNG DUỆ vậy

Nếu y theo ghi chú trong Nhất Thiết Phụng Giáo Kim Cương Ngôn thì câu **Khư Na Khư Na** mà nói đây là bốn cái chữ đáng quý y theo Kinh thêm vào thời là bản của TRÍ CHỨNG.

Lại Ngũ Ngôn Kệ Tụng thì bản cũ ghi một hàng có bốn câu mà nay sửa lại một hàng có ba câu thời ý như **Huyền Quĩ Ký**. Lại xem xét so sánh điều ấy nên chưa xác định được, chỉ mong chờ bậc Hiền đời sau minh xác cho

Thời Chính Đức, năm thứ hai Tinh Kỷ, Nhâm Thìn, mùa hè, ngày 21  
Vũ Thành, chùa Linh Vân\_ Sa Môn TUỆ QUANG ghi

\_Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm 3 quyển vào ngày 14/12/2014